

Giải pháp thúc đẩy xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025

TS Phan Văn Hùng

Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Nhờ những chính sách đặc thù hỗ trợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) đặc biệt khó khăn được ban hành kịp thời nên kết quả xây dựng nông thôn mới (NTM) tại khu vực này đã đạt được nhiều kết quả, góp phần vào thành công chung trong xây dựng NTM trên cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì vùng DTTS&MN còn gặp rất nhiều khó khăn do địa hình phức tạp, hiểm trở, chia cắt, cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại chưa phát triển..., rất cần có những giải pháp đồng bộ để thúc đẩy xây dựng NTM ở khu vực này trong giai đoạn tới.

Những kết quả đạt được trong xây dựng NTM ở vùng DTTS&MN đặc biệt khó khăn

Theo các tiêu chí và kết quả phân định hiện hành, vùng DTTS&MN có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn¹ bao gồm 1.935 xã khu vực III và 20.176 thôn đặc biệt khó khăn². Đây là những vùng có địa hình phức tạp, hiểm trở, chia cắt, xa trung tâm hành chính, cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại chưa phát triển; đồng bào khó tiếp cận các dịch vụ cơ bản, đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so với mặt bằng chung của cả nước...

Tuy nhiên, nhờ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, đặc biệt là Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 cùng các chính sách dân tộc, tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi nói chung, vùng đặc biệt khó khăn nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực; diện mạo nông thôn, miền núi có nhiều thay đổi, kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện; cơ cấu kinh tế vùng dân tộc chuyển dịch theo hướng tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp giảm dần, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ³. Nhiều vùng chuyên canh cây

công nghiệp, cây lấy gỗ, cây ăn quả, cây dược liệu được hình thành và phát triển nhanh, theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Đặc biệt, nhờ áp dụng khoa học và công nghệ, các mô hình sản xuất tiên tiến, hiện đại, năng suất, hiệu quả kinh tế cao xuất hiện ngày càng nhiều⁴. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng bước được thay đổi, với năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng cao. Nhiều địa phương biết phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào DTTS&MN, tập trung phát triển sản xuất hàng hóa, chuyên canh cây trồng, vật nuôi theo hướng thị trường⁵. Các loại hình du lịch, như: cộng đồng, danh thắng, sinh thái, mạo hiểm,

¹Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 3/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020.

²Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2016-2020.

³Tổng hợp báo cáo của 45 tỉnh vùng DTTS&MN: năm 2018, có 4 tỉnh có cơ cấu nông lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, 11 tỉnh có cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp và có tới 30 tỉnh có cơ cấu dịch vụ - công nghiệp - nông lâm nghiệp (theo Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN).

⁴Một số địa phương như: Sơn La, Hòa Bình, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, An Giang, Trà Vinh, Bến Tre... đã thực hiện thành công một số mô hình chuyển đổi sản xuất gắn với liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao.

⁵Trồng rau công nghệ cao ở Lâm Đồng; cây keo, quế ở Quảng Ngãi; cây hồi ở Lạng Sơn; sâm Ngọc linh ở Quảng Nam; cây dược liệu ở Quảng Trị; cà phê, hồ tiêu, cao su ở Tây Nguyên; nuôi bò sữa ở Sơn La; trâu bò thịt ở Gia Lai...



Mô hình tưới phun mưa áp lực thấp cho cây hoa màu của Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng NTM giúp tiết kiệm nước tưới 20-30%.

văn hóa tâm linh đã khởi sắc và phát triển⁶.

Đến năm 2019, vùng DTTS&MN có 1.052 xã đạt chuẩn NTM (chiếm 22,29% tổng số xã của vùng DTTS). Trong đó có 106 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn NTM (chiếm 5% tổng số xã đặc biệt khó khăn), 27 đơn vị cấp huyện thuộc vùng DTTS&MN được công nhận đạt chuẩn xây dựng NTM⁷.

Bên cạnh các kết quả đã đạt được, xây dựng NTM tại vùng DTTS&MN cũng còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó, nổi lên một số vấn đề sau:

Một là, đồng bào các dân tộc ở vùng đặc biệt khó khăn còn cư trú phân tán, khó tiếp cận với các

dịch vụ cơ bản. Mặc dù các địa phương đã quy hoạch, sắp xếp dân cư, điều kiện cư trú nhiều nơi đã được cải thiện, nhưng đến nay, nhìn chung đồng bào các DTTS còn sống phân tán. Khoảng cách trung bình từ nhà đến trường tiểu học là 2,2 km, trường trung học cơ sở là 3,7 km, trường trung học phổ thông là 10,9 km, đến bệnh viện là 14,7 km, đến chợ/trung tâm thương mại là 8,9 km... Cá biệt, khoảng cách từ nhà của dân tộc Mảng đến trường tiểu học là 5,2 km, trường trung học cơ sở là 12,6 km; dân tộc Ô-đu đến trường trung học phổ thông là 52,2 km, đến bệnh viện là 34,9 km, đến chợ/trung tâm thương mại là 29,2 km⁸... Do dân cư phân tán dẫn đến suất đầu tư và chi phí tăng cao, hiệu quả thấp, đồng bào khó tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản...

Hai là, cơ sở hạ tầng vùng DTTS vẫn còn rất thiếu và yếu kém. Đến cuối năm 2019, vùng đặc biệt khó khăn còn 51 xã chưa có đường ô tô kết nối UBND xã

với UBND huyện; 187 xã chưa có đường đến trung tâm xã được trải nhựa hoặc bê tông hóa; 9.474 thôn chưa có đường cứng hóa đến trung tâm xã; 3.400 thôn chưa được sử dụng điện lưới quốc gia; 72.634 phòng học, 1.335 trạm y tế xã, 1.749 nhà văn hóa xã và 7.072 nhà văn hóa thôn chưa được kiên cố hóa; 2.917 xã chưa có chợ⁹.

Ba là, tỷ lệ hộ nghèo ở vùng DTTS nói chung và vùng đặc biệt khó khăn nói riêng còn cao. Theo số liệu thống kê, vùng DTTS tỉnh Quảng Bình có tỷ lệ hộ nghèo tới 67,0%, Bình Định 64,5%, Quảng Trị 52,0%, Khánh Hòa 50,6%, Quảng Nam 46,6%, Điện Biên 46,9%... Một số dân tộc cư trú ở vùng đặc biệt khó khăn có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% như: La Hủ 74,4%, Mảng 66,3%, Chút 60,6%, Ô-đu 56,7%, Co 57,1%, Khơ-mú 51,5%, Xinh-mun 65,3%, Bru-Vân Kiều 56,1%, Kháng 51,5%, Lô Lô 53,9%, Cống 54,0%, Pà Thên 50,2%, Mông 52%⁸...

Bốn là, tập quán tảo hôn, hôn nhân cận huyết, sinh con tại nhà của một số dân tộc còn khá phổ biến. Theo số liệu thống kê, tình trạng tảo hôn chung của các DTTS không giảm, mà có xu hướng tăng lên. Trong đó, các dân tộc có tỷ lệ tảo hôn trên 40% là: Mông 55,5%, Lự 53,2%, Xinh-mun 50,0%, La Ha 45,8%, Cống 44,4%, Khơ-mú 42,9%, Mảng 42,5%, Lô Lô 42,3%, Cơ Lao 42,0%, Gia-rai 41,6%, Kháng 41,0%⁸... Theo số liệu thống kê đến tháng 10/2019, một số dân tộc có tỷ lệ hôn nhân cận huyết cao là: Mông 40,0%, Mạ 29,5%, Pu Péo 29,6%, Khơ mú 13,0%, Phù Lá 14,8%, Tà-ôi 12,0%, Cơ-

⁶Du lịch cộng đồng bước đầu đã đem lại những kết quả tích cực, đóng góp không nhỏ vào công tác xóa đói giảm nghèo, tạo nguồn thu nhập cho người dân vùng DTTS. Các điểm du lịch cộng đồng ở Sa Pa, Lào Cai có tốc độ xóa đói giảm nghèo nhanh gấp 3 lần so với các thôn, bản không có du lịch cộng đồng.

⁷Báo cáo số 770-BC/BCSĐ ngày 2/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

⁸Ủy ban Dân tộc (2020), Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2019.

⁹Ủy ban Dân tộc (2019), Báo cáo đánh giá chính sách dân tộc.

⁸Tidd.



Đoàn thanh niên tham gia xây dựng NTM.

ho 12,0%, Kháng 11,0%; Ê Đê 10,0%⁸...

Năm là, vệ sinh môi trường sống chưa đảm bảo. Theo số liệu điều tra thống kê tháng 10/2019, tỷ lệ hộ dân tộc Chứt được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh là 39,2%, Cống 43,5%, Si La 48,3%, Bru-Vân Kiều 48,5%⁸... Tỷ lệ hộ đồng bào DTTS sử dụng hố xí tự hoại/bán tự hoại tính chung cho các dân tộc chỉ đạt mức 59,6%. Cá biệt một số dân tộc có tỷ lệ sử dụng rất thấp như: Xinh-mun 10,9%, Chứt 11,8%, Mảng 14,5%, Rơ-măm 16,8%⁸... Toàn vùng còn 24% hộ gia đình đồng bào DTTS còn nuôi nhốt gia súc dưới gầm, hoặc sát nhà. Một số dân tộc có tỷ lệ hộ gia đình nuôi nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm nhà hay sát nhà còn rất cao như: Lự 49,8%, La Chí 48,2%, Ô-đu 45%, Mông 43,1%, Hà Nhì 40,3%⁸...

Giải pháp thúc đẩy xây dựng NTM hiệu quả, bền vững ở vùng đặc biệt khó khăn

Để thúc đẩy xây dựng NTM ở vùng DTTS&MN đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025, theo chúng tôi cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn, khu vực biên

giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018-2020 là một chủ trương đúng đắn, sáng tạo, nhân văn, tạo đột phá trong xây dựng nông thôn mới ở nước ta. Tuy nhiên, thời gian thực hiện ngắn, kinh phí hạn chế, chưa giải quyết hết các vấn đề đang đặt ra. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho kéo dài thời gian thực hiện Đề án đến năm 2025 và những năm tiếp theo, tiếp tục chỉ đạo lồng ghép, phối hợp các chương trình, dự án, chính sách, đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để thực hiện chương trình xây dựng NTM nhanh, bền vững ở vùng DTTS&MN đặc biệt khó khăn.

Thứ hai, cần quy hoạch, sắp xếp dân cư, tạo cơ hội cho đồng bào tiếp cận các dịch vụ cơ bản. Việc quy hoạch sắp xếp lại dân cư tập trung sẽ giúp các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng đặc biệt khó khăn giảm chi phí đầu tư, mang lại hiệu quả cao hơn. Quy hoạch sắp xếp dân cư ở vùng đặc biệt khó khăn không chỉ tái định cư và di dân khỏi vùng thiên tai, mà còn cần tính đến các đặc điểm văn hóa, nguyện vọng của người dân, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, việc làm, thu nhập để đảm bảo bền vững và hiệu quả.

Thứ ba, cần ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho các vùng đặc

biệt khó khăn. Cần tập trung ưu tiên xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, đường đến trung tâm các xã, thôn, bản, đường liên thôn; các công trình nước sinh hoạt, chợ, trường học, trạm y tế và nhà văn hóa phải được kiên cố hóa; đảm bảo các hộ DTTS được sử dụng điện lưới quốc gia hoặc các nguồn năng lượng phù hợp.

Thứ tư, thực hiện nhiều giải pháp nâng cao thu nhập, giảm nghèo nhanh và bền vững cho đồng bào DTTS vùng đặc biệt khó khăn. Đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị nông, lâm sản, tổ chức sản xuất theo chuỗi cung ứng, các chuỗi giá trị, gắn với thị trường... Bên cạnh việc tạo thu nhập từ nông, lâm nghiệp, cần có các phương án, chương trình tạo việc làm, tạo nguồn thu nhập từ tiền công, tiền lương, hỗ trợ dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, di chuyển lao động từ vùng đặc biệt khó khăn về các đô thị, khu công nghiệp...

Thứ năm, cần thực hiện cuộc vận động thay đổi các tập quán vùng dân tộc, nhất là các vùng đặc biệt khó khăn. Trước mắt, cần tập trung nguồn lực, chỉ đạo thực hiện tốt cuộc vận động thay đổi tập quán tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tạo điều kiện cho phụ nữ DTTS, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, có nhiều khó khăn được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em phù hợp với điều kiện, văn hóa của các dân tộc. Thay đổi tập quán nuôi nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm nhà, sát cạnh nhà nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất, lây lan các bệnh truyền nhiễm, giun sán... ✍

⁸Tidd.